TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 25/6/2026
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Lê Thị Ngọc Anh và bà Lê Thị Thuỷ Tiên.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Phú - Thư ký Toà án khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa*:* bà Lê Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng *6* năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 75/2026/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 28/2026/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

. *Nguyên đơn*: bà Y N, sinh năm 1996; CCCD số: 062196003098; địa chỉ: thôn Q, xã V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Lê Thanh H, sinh năm 1994; CCCD số: 045094003657; địa chỉ: thôn Q, xã V, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2026, nguyên đơn bà Y N trình bày: bà Y N và ông Lê Thanh H đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã V), tỉnh Quảng Trị vào ngày 31/8/2017. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khoảng thời gian chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông H không có trách nhiệm xây dựng hạnh phúc gia đình và có tình cảm với người phụ nữ khác. Bà N đã nhiều lần cố gắng níu kéo nhưng kết quả không thành, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Nay bà N thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà N yêu cầu Toà án cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh H.

Về nuôi con chung: bà Y N và ông Lê Thanh H có 01 người con chung là cháu Lê Thanh Bảo B, sinh ngày 09/10/2017. Hiện cháu B ở với bà N. Sau khi ly

hôn, bà N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 14/4/2026 và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 19/5/2026, nguyên đơn bà Y N xin thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con cụ thể: sau khi ly hôn bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là bà N thấy ông H hiện không có công việc ổn định, trong khi đó mức thu nhập hàng tháng của bà N là 12.000.000 đồng cũng đảm bảo việc nuôi dạy, chăm sóc đối với cháu Lê Thanh Bảo B.

Vì lý do công việc không đến tham gia phiên toà được nên bà Y N có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn gồm: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập đến phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, ông Lê Thanh H không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên hoà giải, phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y N, xử cho bà Y N được ly hôn với ông Lê Thanh H. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Thanh Bảo B, sinh ngày 09/10/2017 cho bà Y N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu, nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: bà Y N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã V, tỉnh Quảng Tri nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập; quyết định hoãn phiên tòa đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn bà Y N và bị đơn ông Lê Thanh H. Bà Y N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Lê Thanh H hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không đến tham gia tố tụng tại phiên họp, phiên hoà giải và đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: bà Y N và ông Lê Thanh H đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là xã V), tỉnh Quảng Tri vào ngày 31/8/2017. Quá trình chung sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông Lê Thanh H đã nhận thông báo của Tòa án về việc yêu cầu ly hôn của bà Y N nhưng không có ý kiến gì, không tham gia các phiên hòa giải của Toà án triệu tập, cho thấy ông H thiếu thiện chí khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình. Nay bà Y N vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử thấy rằng, đã là vợ chồng thì phải yêu thương, quan tâm lẫn nhau, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng giữa bà N và ông H không tồn tại được những điều này, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, yêu cầu ly hôn của bà Y N là có cơ sở, cần chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: bà Y N và ông Lê Thanh H có 01 người con chung là cháu Lê Thanh Bảo B, sinh ngày 09/10/2017. Qua xác minh, chính quyền địa phương cũng như nhà trường nơi cháu B đang học văn hoá, thấy rằng: thời gian qua và hiện tại ông Lê Thanh H thường đi làm ăn xa nhà, bà Y N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trực tiếp đưa đón cháu B đi học và hỗ trợ các phong trào do nhà trường phát động, bà N có công việc và thu nhập ổn định, cháu Lê Thanh Bảo B cũng có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu Lê Thanh Bảo B cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và đúng với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; ông H không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: bà Y N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: buộc bà Y N là người yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Y N.

Về quan hệ hôn nhân: bà Y N được ly hôn ông Lê Thanh H.

Về nuôi con chung: giao cháu Lê Thanh Bảo B, sinh ngày 09/10/2017 cho bà Y N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Lê Thanh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: bà Y N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000943 ngày 11 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Bà Y N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Đăng Khoa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị;
- Công an xã Vĩnh Định, tỉnh Quảng Trị;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Anh **Lê Thị Thuỷ Tiên** **Phan Đăng Khoa**